

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững - Chương trình 135 năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai Phê duyệt chủ trương đầu tư toàn bộ danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững kế hoạch năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – KH huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao cho UBND 13 xã và thị trấn chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững – Chương trình 135 năm 2019, để đầu tư xây dựng các dự án theo nội dung sau:

- **Tổng vốn NSNN năm 2019: 14.188.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, một trăm tám mươi tám triệu đồng chẵn).

Trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 12.898.000.000 đồng.

+ Ngân sách tỉnh đối ứng: 1.290.000.000 đồng.

- **Danh mục dự án:** Có bảng chi tiết kèm theo.

Điều 2: UBND 13 xã và thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm:

- Quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm có hiệu quả.

- Chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành dự án trong năm 2019.

- Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán đúng thời gian và quy định của pháp luật.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – KH huyện, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND 13 xã và thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy; TT HĐND (báo cáo);
- Chủ tịch và các phó chủ tịch huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Tô Văn Chánh

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG PA

(kèm theo Quyết định số: **79** /QĐ-UBND, ngày **08**/05/2019 của UBND huyện Krông Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				
							NSTW	Ngân sách tỉnh đối ứng		Huy động ND đóng góp	NSTW		Ngân sách tỉnh đối ứng	Huy động ND đóng góp
	Tổng số					18.667	16.447	1.290	930	14.932	12.898	1.290	744	
I.1	Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK					16.120	14.247	1.070	803	12.385	10.698	1.070	617	
(1)	Xã Chư Ngọc					1.719	1.633	0	86	901	856	0	45	
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt buôn D'rét	Xây dựng mới	Xã Chư Ngọc	Nhà vận hành, hệ thống điện, giếng khoan, đài nước, hệ thống mạng đường ống cấp nước cho 230 hộ	2019-2020	1.719	1.633		86	901	856		45	
(2)	Xã Chư Gu					2.718	1.513	1.070	135	2.476	1.283	1.070	123	
	Đường giao thông nội thôn buôn Bát - Nhánh 1: Từ nhà Ma Uôn đến nhà ông Kpã Puôn; - Nhánh 2: Từ nhà Siu H'Juôn đến nhà ông Rchom Đơn; - Nhánh 3: từ nghĩa địa đến nhà ông Ksor Min; - Nhánh 4: Từ nhà ông Rchom Thao đến nhà ông Ksor Ngheo; - Nhánh 5: Từ nhà Rchom Lốp đến nhà Nay Hồ.	Xây dựng mới	Xã Chư Gu	L=1.180m; BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	1.287	153	1.070	64	1.287	153	1.070	64	
	Hệ thống nước buôn Đuk	Xây dựng mới	Xã Chư Gu	Mạng đường ống	2019	610	580		30	610	580		30	
	Đường giao thông nông thôn Tập đoàn 8: - Nhánh 1: từ nhà Ami H'Mâm đến nghĩa địa; - Nhánh 2: Từ nghĩa địa đến cuối làng Tập đoàn 6	Xây dựng mới	Xã Chư Gu	L=700m; BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019-2020	821	780		41	579	550		29	
(3)	Xã Ia Rsum					1.126	1.070	0	56	1.126	1.070	0	56	
	Đường giao thông thôn Hưng Phú	Xây dựng mới	xã Ia Rsum	L=793m; BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	896	851		45	896	851		45	
	Đường giao thông buôn Toát (đoạn đường vòng từ QL 25 đến đường Đông Trường Sơn)	Xây dựng mới	xã Ia Rsum	L=207m; BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	230	219		11	230	219		11	
(4)	Xã Uar					901	856	0	45	901	856	0	45	
	Đường giao thông nội thôn buôn Ngól	Xây dựng mới	Xã Uar	L=810m; BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	901	856		45	901	856		45	

TT	Danh mục dự án	Hình thức đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				
							NSTW	Ngân sách tỉnh đối ứng		Huy động ND đóng góp	NSTW		Ngân sách tỉnh đối ứng	Huy động ND đóng góp
(5)	Xã Ia Rsai					1.126	1.070	0	56	1.126	1.070	0	56	
	Đường giao thông từ ngã tư buôn Chư Jú đến buôn Oi Kia	Xây dựng mới	xã Ia Rsai	L=1.000m; BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	1.126	1.070		56	1.126	1.070		56	
(6)	Xã Krông Năng					1.126	1.070	0	56	1.126	1.070	0	56	
	Hệ thống nước sinh hoạt buôn H'Lôi	Xây dựng mới	xã Krông Năng	Hệ thống giếng đào và các hạng mục phụ khác	2019	1.126	1.070		56	1.126	1.070		56	
(7)	Xã Ia Rmøk					1.560	1.482	0	78	1.351	1.283	0	68	
	Đường giao thông liên thôn buôn Dan và buôn Jao (đoạn từ UBND xã đến Nghĩa địa buôn Dan)	Xây dựng mới	Xã Ia Rmøk	L=900m, BTXM M250 đá 2x4, Bn=5m, Bm=3m, hệ thống thoát nước.	2019	1.000	950		50	1.000	950		50	
	Đường giao thông buôn Bã và buôn Thiol: - Nhánh 1: (đoạn Ama Mrot-Ma Lan buôn Bã); - Nhánh 2: (đoạn từ nghĩa địa buôn Thiol-Ma Dư buôn Thiol)	Xây dựng mới	Xã Ia Rmøk	L=500m, BTXM M250 đá 2x4, Bn=5m, Bm=3m, hệ thống thoát nước.	2019-2020	560	532		28	351	333		18	
(8)	Xã Chư Drăng					2.148	2.041	0	107	1.126	1.070	0	56	
	Trạm Y tế xã	Xây dựng mới	xã Chư Drăng	Bổ sung các hạng mục đạt chuẩn nông thôn mới; trang thiết bị	2019-2020	2.148	2.041		107	1.126	1.070		56	
(9)	Xã Ia Dreh					2.148	2.041	0	107	1.126	1.070	0	56	
	Trường Mẫu giáo xã Ia Dreh	Xây dựng mới	Xã Ia Dreh	Xây dựng 02 phòng học; nhà ăn; bếp; trang thiết bị; các hạng mục phụ khác	2019-2020	2.148	2.041		107	1.126	1.070		56	
(10)	Xã Đất Bằng					1.548	1.471	0	77	1.126	1.070	0	56	
	Hệ thống nước sinh hoạt xã Đất Bằng	Xây dựng mới	Xã Đất Bằng	Mạng đường ống đến hộ gia đình	2019-2020	1.548	1.471		77	1.126	1.070		56	
I.2	Hỗ trợ đầu tư CSHT cho các thôn, làng ĐBK					2.547	2.200	220	127	2.547	2.200	220	127	
1	Xã Phú Cản (04 làng)					842	800	0	42	842	800	0	42	
	Đường giao thông nội thôn buôn Thim	Xây dựng mới	xã Phú Cản	L=732m, BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	842	800		42	842	800		42	
2	Xã Ia Mláh (03 làng)					863	600	220	43	863	600	220	43	
	Đường giao thông từ buôn Oi Đăk ra khu sản xuất	Xây dựng mới	Xã Ia Mláh	L=750m, mặt đường BTXM M250 dày 18cm, rộng 3,5m, hệ thống thoát nước.	2019	863	600	220	43	863	600	220	43	
3	Thị trấn Phú Túc (02 làng)					421	400	0	21	421	400	0	21	
	Đường giao thông tổ dân phố 13 (nối tiếp đầu tư năm 2018)	Xây dựng mới	Thị trấn Phú Túc	L=366m, BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	421	400		21	421	400		21	
4	Xã Chư Rãm (02 làng)					421	400	0	21	421	400	0	21	
	Đường giao thông buôn H'Lang (đoạn từ nhà Mí bé đến nhà ông Hùng (QL25))	Xây dựng mới	xã Chư Rãm	L=366m; BTXM M250 đá 2x4 Bn=5m, Bm=3,5m, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	421	400		21	421	400		21	

Ghi chú: Đối với các dự án có thời gian thực hiện 02 năm (2019-2020) thì UBND xã phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đúng bằng tổng mức đầu tư được giao, số kinh phí còn thiếu được UBND tỉnh bổ sung vào năm 2020.